

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019**

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 38

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000323 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 05/12/2014.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Đặng Chính Trung	Chủ tịch (Bổ nhiệm 01/06/2019)
Ông Nguyễn Hồng Hải	Ủy viên (Bổ nhiệm 01/06/2019)
Ông Lê Thanh Tùng	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Dũng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Ủy viên (Miễn nhiệm 01/06/2019)
Ông Phạm Văn Thịnh	Ủy viên (Miễn nhiệm 01/06/2019)
Ông Đoàn Đắc Hiếu	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Lê Thanh Tùng	Giám đốc
	Ông Trần Thanh Kiều	Phó Giám đốc
	Ông Đoàn Đắc Hiếu	Phó Giám đốc
	Ông Vũ Anh Tuấn	Phó Giám đốc

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**


**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



**Lê Thanh Tùng**

**Giám đốc**

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Số: 164/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**  
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019  
của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

Kính gửi: **Đại hội đồng Cổ đông và Ban Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO, được lập ngày 09 tháng 3 năm 2020, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



---

**Lưu Minh Tới**

**Phó Giám đốc Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh**  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

*Giấy Ủy quyền số: 06/2020/ UQCN-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT*

Thay mặt và đại diện

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

*Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020*

---

**Nguyễn Vũ Hào**

**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 4148-2017-137-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>743.547.422.550</b>	<b>604.277.296.727</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>14.523.176.398</b>	<b>15.398.264.514</b>
1. Tiền	111		14.523.176.398	15.398.264.514
<b>II- Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>610.886.000.000</b>	<b>464.676.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	5.2	10.676.000.000	10.676.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.3	600.210.000.000	454.000.000.000
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>69.169.325.195</b>	<b>76.320.345.524</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.4	22.116.573.454	39.715.484.100
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.5	21.198.032.149	19.695.392.174
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6	27.367.392.351	18.433.892.509
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.7	(1.512.672.759)	(1.524.423.259)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>47.417.590.515</b>	<b>42.903.726.181</b>
1. Hàng tồn kho	141		47.417.590.515	42.903.726.181
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.551.330.442</b>	<b>4.978.960.508</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9	157.435.615	90.690.298
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.349.402.605	4.843.777.988
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.10	44.492.222	44.492.222
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>488.775.471.035</b>	<b>415.468.857.591</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>402.259.896.688</b>	<b>355.326.006.739</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.11	130.466.067.325	78.368.137.432
- Nguyên giá	222		187.217.639.028	128.830.399.885
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(56.751.571.703)	(50.462.262.453)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.12	271.793.829.363	276.957.869.307
- Nguyên giá	228		315.733.699.824	315.733.699.824
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(43.939.870.461)	(38.775.830.517)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>40.131.067.768</b>	<b>53.893.744.195</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	40.131.067.768	53.893.744.195
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.14</b>	<b>45.840.000.000</b>	<b>5.340.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		45.000.000.000	4.500.000.000
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		840.000.000	840.000.000
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>544.506.579</b>	<b>909.106.657</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9	544.506.579	909.106.657
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> (270 = 100+200)	<b>270</b>		<b>1.232.322.893.585</b>	<b>1.019.746.154.318</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	(Trình bày lại) VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>1.132.103.464.690</b>	<b>930.606.666.212</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>74.981.905.116</b>	<b>55.810.296.890</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.15	10.519.663.029	7.241.570.635
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.16	36.994.358.722	37.769.873.207
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.10	4.112.037.892	2.665.748.480
4. Phải trả người lao động	314		877.000.000	119.840.177
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17	900.660.000	2.226.283.967
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	16.847.949.834	1.191.881.427
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.19	-	1.050.660.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.20	-	1.494.000.000
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		4.730.235.639	2.050.438.997
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.057.121.559.574</b>	<b>874.796.369.322</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.21	1.054.816.321.117	872.844.645.675
2. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	487.700.000	90.000.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.20	1.817.538.457	1.861.723.647
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>100.219.428.895</b>	<b>89.139.488.106</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>5.22</b>	<b>100.219.428.895</b>	<b>89.139.488.106</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	50.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		17.367.150.217	14.117.079.575
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		32.852.278.678	25.022.408.531
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		9.788.267.247	-
- LNST chưa phân phối kì này	421b		23.064.011.431	25.022.408.531
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b> (440 = 300+400)	<b>440</b>		<b>1.232.322.893.585</b>	<b>1.019.746.154.318</b>

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019	Năm 2018
			VND	(Trình bày lại) VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.23	159.981.286.156	266.299.869.719
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.23	159.981.286.156	266.299.869.719
4. Giá vốn hàng bán	11	5.24	140.963.281.675	243.489.665.581
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		19.018.004.481	22.810.204.138
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.25	41.584.524.391	33.435.224.444
7. Chi phí tài chính	22	5.26	293.946.970	245.027.735
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		291.277.368	221.051.144
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.27	19.111.121.230	18.679.346.166
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		41.197.460.672	37.321.054.681
11. Thu nhập khác	31	5.28	1.131.747.914	2.633.008.918
12. Chi phí khác	32	5.28	1.047.614.008	1.022.765.454
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		84.133.906	1.610.243.464
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		41.281.594.578	38.931.298.145
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.29	8.217.583.147	6.180.889.614
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		33.064.011.431	32.750.408.531
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.30	5.952	5.653

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 3 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp gián tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2018 (Trình bày lại)	
		Năm 2019 VND	VND
<b>I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	41.281.594.578	38.931.298.145
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	12.761.405.968	12.000.628.392
- Các khoản dự phòng	03	(1.549.935.690)	1.846.113.848
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.669.602	(7.197.456)
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(39.933.494.181)	(30.750.895.152)
- Chi phí lãi vay	06	291.277.368	221.051.144
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	12.853.517.645	22.240.998.921
- Biến động các khoản phải thu	09	18.015.728.457	85.815.428.436
- Biến động hàng tồn kho	10	(4.513.864.334)	(5.507.340.392)
- Biến động các khoản phải trả	11	157.412.365.237	(17.649.789.772)
- Tăng/giảm chi phí trả trước	12	297.854.761	158.599.664
- Tiền lãi vay đã trả	14	(291.277.368)	(221.051.144)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(7.211.298.605)	(7.776.183.342)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	30.890.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.835.164.000)	(589.528.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>174.758.751.793</b>	<b>76.471.134.371</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(13.570.872.061)	(5.943.548.606)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.142.000.000	621.114.456
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(488.585.000.000)	(242.695.768.212)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	342.375.000.000	155.855.768.212
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(40.500.000.000)	(4.500.000.000)
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	32.171.124.254	27.420.244.494
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(166.967.747.807)</b>	<b>(69.242.189.656)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	64.508.124.168	50.369.999.611
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(65.558.784.168)	(51.770.867.611)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.612.762.500)	(22.298.674.250)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(8.663.422.500)</b>	<b>(23.699.542.250)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	50	<b>(872.418.514)</b>	<b>(16.470.597.535)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>15.398.264.514</b>	<b>31.861.664.593</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61	<b>(2.669.602)</b>	<b>7.197.456</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	70	<b>14.523.176.398</b>	<b>15.398.264.514</b>

Người lập

Nguyễn Thị Lựu

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Vùng Tàu, ngày 09 tháng 3 năm 2020  
 Giám đốc



Lê Thanh Tùng

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập từ cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước - Đơn vị thành viên hạch toán độc lập của Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty IDICO”) theo Quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa số 1426/QĐ-BXD ngày 16/10/2006 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty chuyển sang mô hình Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4903000323 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp lần đầu ngày 29/12/2006, sau đổi thành Mã số doanh nghiệp 3500101298, đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 17 ngày 05/12/2014.

Tổng số vốn điều lệ theo Đăng ký kinh doanh là: 50.000.000.000 đồng (Năm mươi tỷ đồng), được chia thành 5.000.000 cổ phần (mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000 đồng).

Sở hữu vốn:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>VND</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Tổng công ty IDICO - CTCP	2.550.000	25.500.000.000	51%
Các cổ đông khác	2.450.000	24.500.000.000	49%
<b>Tổng</b>	<b>5.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>100 %</b>

Trụ sở chính của Công ty: Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Số lao động tại ngày 31/12/2019 là: 110 người (tại ngày 31/12/2018 là: 120 người).

**1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Xây dựng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình thủy lợi, công trình thủy điện, điện, nước, cầu cảng, bưu chính viễn thông, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; Đầu tư xây dựng các dự án theo các hình thức: Xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), Xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), Xây dựng - chuyển giao (BT), Xây dựng - kinh doanh (BO); Đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch, vui chơi giải trí; Xây dựng các công trình điện hạ thế, trung thế đến 35KV; Hoàn thiện công trình xây dựng; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh vận tải, xăng, dầu, nhớt, nước, điện; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Kinh doanh máy móc thiết bị, vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu phục vụ cho công nghiệp xây dựng; Khai thác và chế biến khoáng sản; Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu và vật liệu xây dựng; Gia công cơ khí và kết cấu thép các loại; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng, suất ăn công nghiệp; Mua bán trang thiết bị bảo hộ lao động; Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Môi giới thương mại; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng - công nghiệp; Thiết kế quy hoạch xây dựng; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn, nhà hàng; Duy tu bảo dưỡng, sửa chữa công trình cầu và đường bộ; Lắp đặt các công trình hạ tầng kỹ thuật gắn liền với các công trình giao thông như hệ thống chiếu sáng, thoát nước, vỉa hè, cây xanh; Dịch vụ vệ sinh công nghiệp trong KCN của Công ty; Cung cấp dịch vụ trồng và chăm sóc cây xanh; Trồng cây hàng năm, cây lâu năm;

Hoạt động chính của Công ty trong năm 2019: Thi công xây dựng các công trình; cho thuê khu công nghiệp; đầu tư kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch.

**1.3 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành; thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính là có thể so sánh được.

**1.4 Cấu trúc Công ty**

**Đơn vị trực thuộc:** Tại ngày 31/12/2019, Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

<b>STT</b>	<b>Tên chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ, mã số chi nhánh</b>
1	Xí nghiệp Thương mại Dịch vụ và Xây dựng IDICO - CONAC	Số 326 Nguyễn An Ninh, phường 7, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu Mã số chi nhánh: 3500101298 - 018

**2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

**3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014; thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 về việc bổ sung một số điều của thông tư 200/2014/TT-BTC và Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức sổ Nhật ký chung.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

*Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tương đương tiền*

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh*

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh: Được trích lập cho từng mã chứng khoán, dự phòng cho phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán doanh nghiệp đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác*

- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

*Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư*

Dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty con, liên doanh, liên kết: Là khoản dự phòng tổn thất do doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư (công ty con, liên doanh, liên kết) bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư khác: việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư.

Khoản lỗ của doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư làm căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính hợp nhất, nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là công ty Mẹ. Nếu doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư là doanh nghiệp độc lập không có công ty con, căn cứ để trích lập dự phòng là Báo cáo tài chính của doanh nghiệp được đầu tư đó.

**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình**

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25/4/2013 và thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC

**a. Nguyên tắc kế toán**

**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

**b. Phương pháp khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2019
	(Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Thiết bị văn phòng	06 - 08
Phương tiện vận tải	08 - 10
Tài sản khác	05 - 10

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại Số 326 Nguyễn An Ninh, Phường 7, Thành phố Vũng Tàu. Theo quy định, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

Tài sản cố định vô hình khác là giá trị chi phí đền bù và giải phóng mặt bằng của Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo thời gian được giao đất.

Theo Quyết định số 480/QĐ-UBND ngày 16/3/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc điều chỉnh thời hạn thuê đất từ 41 năm lên 55 năm, kể từ ngày 9/10/2007 (ngày Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO nhận bàn giao doanh nghiệp Công ty Xây dựng Dầu khí từ Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam) liên quan đến Dự án Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Mỹ Xuân B1, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước**

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước dài hạn khác liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

**Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.



**4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

**Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác (Tiếp theo)**

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

**Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán**

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế. Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập tính thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 20% trên thu nhập tính thuế.

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm sau khi trừ đi phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là sản xuất và kinh doanh Vật liệu xây dựng, xây lắp, cho thuê Khu công nghiệp, dịch vụ khác và hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	1.868.775.948	2.699.498.097
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	12.654.400.450	12.698.766.417
<b>Cộng</b>	<b>14.523.176.398</b>	<b>15.398.264.514</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.2 Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019(Trình bày lại)VND	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Tổng giá trị cổ phiếu	10.676.000.000	11.850.360.000	-	10.676.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO	10.676.000.000	11.850.360.000	-	10.676.000.000
<b>Tổng</b>	<b>10.676.000.000</b>	<b>11.850.360.000</b>	<b>-</b>	<b>10.676.000.000</b>

**5.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số
<b>b) Ngân hàng</b>	<b>600.210.000.000</b>	<b>600.210.000.000</b>	<b>454.000.000.000</b>	<b>454.000.000.000</b>
Ngân hàng ACB CN Vũng Tàu-PGD Rạch Dừa	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia- CN Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN BRVT	30.000.000.000	30.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Côn Đảo	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN BRVT	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Nhơn Trạch	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đông Đồng Nai	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - CN Gia Định	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà TP.HCM - CN VT	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Long An	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Nhà Bè	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông CN BRVT	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Ngân hàng xăng dầu Petrolimex Vũng Tàu	5.210.000.000	5.210.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế CN Vũng Tàu	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Vũng tàu	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng BIDV CN Thủ Dầu Một	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Chi nhánh Vũng Tàu	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại NH ĐT&PT BRVT	443.000.000.000	443.000.000.000	306.000.000.000	306.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>600.210.000.000</b>	<b>600.210.000.000</b>	<b>454.000.000.000</b>	<b>454.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.4 Nợ phải thu**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>22.116.573.454</b>	<b>39.715.484.100</b>
Ban quản lý Đầu tư xây dựng công trình Quận 12-BQL dự án ĐTXD khu vực Quận 12 Công ty cổ phần kiểm định xây dựng An Hòa	2.948.857.000	1.046.850.000
Công ty TNHH may Thiên Kim	2.205.658.240	-
Ban Quản lý đầu tư Xây dựng Công trình Huyện Hóc Môn	10.537.743.600	10.537.743.600
Ban quản lý đầu tư dự án vệ sinh môi trường Tp.HCM	3.576.135.252	4.291.574.136
Ban Quản lý DA Giao thông khu vực Cái Mép Thị Vải - Vũng Tàu	-	4.520.304.661
Các đối tượng còn lại	2.848.179.362	8.753.481.695
<b>Cộng</b>	<b>22.116.573.454</b>	<b>39.715.484.100</b>

**5.5 Trả trước cho người bán**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Trả trước cho người bán</b>	<b>21.198.032.149</b>	<b>19.695.392.174</b>
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	18.563.510.759	17.847.895.126
Các đối tượng còn lại	2.634.521.390	1.847.497.048
<b>Cộng</b>	<b>21.198.032.149</b>	<b>19.695.392.174</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.6 Các khoản phải thu khác**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
a) Ngân hạn	27.367.392.351	(176.053.897)	18.433.892.509	(176.053.897)
Lãi dự thu các ngân hàng	26.121.619.042	-	17.625.506.848	-
Ký quỹ ký cược ngắn hạn	211.600.000	-	200.000.000	-
Tạm ứng	56.873.751	-	30.000.000	-
Tòa án thị xã Phú Mỹ	396.200.000	-	-	-
Phải thu khác	581.099.558	(176.053.897)	578.385.661	(176.053.897)
<b>Cộng</b>	<b>27.367.392.351</b>	<b>(176.053.897)</b>	<b>18.433.892.509</b>	<b>(176.053.897)</b>

**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Đường nội bộ nhà máy đường Trị An	102.384.934	-	102.384.934	-
Công ty Cổ phần thép Quatron	632.774.054	-	632.774.054	-
Công ty CP ĐT XD và DL IDICO	129.407.703	-	129.407.703	-
Các đối tượng còn lại	648.106.068	-	665.021.068	5.164.500
<b>Cộng</b>	<b>1.512.672.759</b>	<b>-</b>	<b>1.529.587.759</b>	<b>5.164.500</b>

**Trong đó:**

	Dưới 6 tháng	Từ 1-2 năm	Từ 2-3 năm	Trên 3 năm
Đường nội bộ nhà máy đường Trị An	-	-	-	102.384.934
Công ty Cổ phần thép Quatron	-	-	-	632.774.054
Công ty CP ĐT XD và DL IDICO	-	-	-	129.407.703
Các đối tượng còn lại	-	-	-	648.106.068

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
5.8 Hàng tồn kho				
Nguyên liệu, vật liệu	18.836.533	-	21.318.225	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	47.366.575.536	-	42.358.347.004	-
Hàng hóa	32.178.446	-	524.060.952	-
<b>Cộng</b>	<b>47.417.590.515</b>	<b>-</b>	<b>42.903.726.181</b>	<b>-</b>

	31/12/2019		01/01/2019	
	VND	VND	VND	VND
5.9 Chi phí trả trước				
a) <i>Ngắn hạn</i>				
Công cụ, dụng cụ, chi phí chờ phân bổ	157.435.615	90.690.298	157.435.615	90.690.298
b) <i>Dài hạn</i>				
Công cụ dụng cụ	544.506.579	909.106.657	416.691.652	668.852.448
Chi phí sửa chữa	104.334.438	211.723.344	104.334.438	211.723.344
Chi phí trả trước dài hạn khác	23.480.489	28.530.865	23.480.489	28.530.865
<b>Cộng</b>	<b>701.942.194</b>	<b>999.796.955</b>	<b>701.942.194</b>	<b>999.796.955</b>

	01/01/2019		31/12/2019	
	(Trình bày lại) VND	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	VND
5.10 Thuế và nghĩa vụ với Nhà nước				
Phải nộp	2.665.748.480	26.397.258.852	(24.950.969.440)	4.112.037.892
Thuế GTGT	142.291.887	14.723.852.964	(14.369.736.937)	496.407.914
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.211.298.605	8.217.583.147	(7.211.298.605)	3.217.583.147
Thuế thu nhập cá nhân	312.157.988	817.303.541	(731.414.698)	398.046.831
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	1.537.045.771	(1.537.045.771)	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	1.101.473.429	(1.101.473.429)	-
<b>Phải thu</b>	<b>44.492.222</b>	-	-	<b>44.492.222</b>
Các khoản khác phải thu nhà nước	44.492.222	-	-	44.492.222



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.11 Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
						<i>Đơn vị tính: VND</i>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số dư tại 01/01/2019	101.833.742.036	16.664.962.654	8.927.290.584	167.000.001	1.237.404.610	128.830.399.885
Tăng trong năm	60.433.508.235	-	-	-	-	60.433.508.235
Mua trong năm	158.032.727	-	-	-	-	158.032.727
Đầu tư XD CB hoàn thành	60.275.475.508	-	-	-	-	60.275.475.508
Giảm trong năm	-	-	2.046.269.092	-	-	2.046.269.092
Thanh lý nhượng bán	-	-	2.046.269.092	-	-	2.046.269.092
Số dư tại 31/12/2019	162.267.250.271	16.664.962.654	6.881.021.492	167.000.001	1.237.404.610	187.217.639.028
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số dư tại 01/01/2019	42.605.479.828	3.145.057.104	3.476.255.629	79.694.448	1.155.775.444	50.462.262.453
Tăng trong năm	5.408.201.578	1.252.971.795	866.939.320	18.083.331	51.170.000	7.597.366.024
Khấu hao trong năm	5.408.201.578	1.252.971.795	866.939.320	18.083.331	51.170.000	7.597.366.024
Giảm trong năm	-	-	1.308.056.774	-	-	1.308.056.774
Thanh lý nhượng bán	-	-	1.308.056.774	-	-	1.308.056.774
Số dư tại 31/12/2019	48.013.681.406	4.398.028.899	3.035.138.175	97.777.779	1.206.945.444	56.751.571.703
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2019	59.228.262.208	13.519.905.550	5.451.034.955	87.305.553	81.629.166	78.368.137.432
Tại ngày 31/12/2019	114.253.568.865	12.266.933.755	3.845.883.317	69.222.222	30.459.166	130.466.067.325

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2019 là 16.204.376.667 đồng (tại 31/12/2018 là 12.234.037.503 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.12 Tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

	Quyền sử dụng đất (vô thời hạn)	Quyền sử dụng đất (có thời hạn 50 năm)	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Số dư tại 01/01/2019	51.344.488.700	226.997.454	264.162.213.670	315.733.699.824
Tăng trong năm	-	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>51.344.488.700</b>	<b>226.997.454</b>	<b>264.162.213.670</b>	<b>315.733.699.824</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Số dư tại 01/01/2019	-	80.021.213	38.695.809.304	38.775.830.517
Tăng trong năm	-	6.155.028	5.157.884.916	5.164.039.944
Khấu hao trong năm	-	6.155.028	5.157.884.916	5.164.039.944
Giảm trong năm	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>-</b>	<b>86.176.241</b>	<b>43.853.694.220</b>	<b>43.939.870.461</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 01/01/2019	51.344.488.700	146.976.241	225.466.404.366	276.957.869.307
Tại 31/12/2019	51.344.488.700	140.821.213	220.308.519.450	271.793.829.363

Tài sản cố định vô hình khác ghi nhận giá trị chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của công trình hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Xuân B1.

**5.13 Tài sản dở dang dài hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
a) Chi mua sắm	2.859.369.345	2.097.510.995
b) Chi xây dựng cơ bản dở dang	37.271.698.423	51.796.233.200
Dự án KCN Mỹ Xuân B1	13.267.257.392	34.734.189.859
Dự án khu cao ốc 326 Nguyễn An Ninh	16.586.679.505	16.586.679.505
Dự án khu nhà ở CBCNV - Chuyên gia 3,4 ha KCN MXB1	127.679.745	127.679.745
Dự án CONDOTEL Thùy Dương	292.909.091	292.909.091
Dự án Trạm XLNT giai đoạn 2 công suất 6.500m3/ngày đêm	71.843.000	54.775.000
Dự án khu đô thị Bắc Châu Giang Hà Nam	6.638.966.054	-
Dự án KCN Mỹ Xuân B1 Mở Rộng	286.363.636	-
<b>Cộng</b>	<b>40.131.067.768</b>	<b>53.893.744.195</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

Đối tượng đầu tư	Tỷ lệ		31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Vốn nắm giữ (%)	Quyền biểu quyết (%)	Số lượng	Giá gốc	Số lượng	Giá gốc
1. Đầu tư vào Công ty liên kết						
Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp và Đô thị Thủ thừa IDICO - CONAC	30%	30%	45.000.000.000		4.500.000.000	
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn						
Trái phiếu của ngân hàng BIDV			840.000.000	840.000.000	840.000.000	840.000.000
<b>Cộng</b>			<b>45.840.000.000</b>	<b>840.000.000</b>	<b>5.340.000.000</b>	<b>840.000.000</b>

Tại ngày lập báo cáo, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chưa niêm yết để thuyết minh trong Báo cáo tài chính do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về việc sử dụng các kỹ thuật định giá trong việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn.

5.15 Phải trả người bán	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a) Ngán hạn	10.519.663.029	10.519.663.029	7.241.570.635	7.241.570.635
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư 492	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332	1.773.766.332
Các đối tượng còn lại	8.745.896.697	8.745.896.697	5.467.804.303	5.467.804.303
<b>Cộng</b>	<b>10.519.663.029</b>	<b>10.519.663.029</b>	<b>7.241.570.635</b>	<b>7.241.570.635</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.16 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2019 (VND)		01/01/2019 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
a) Ngân hạn	36.994.358.722	36.994.358.722	37.769.873.207	37.769.873.207
Ban QLDA đầu tư xây dựng các công trình giao thông	24.776.653.839	24.776.653.839	35.132.737.239	35.132.737.239
Ban Quản lý Đầu tư xây dựng công trình Quận 9 - Ban QLDA ĐTXD khu vực Quận 9	4.684.237.540	4.684.237.540	2.611.144.540	2.611.144.540
Công ty CP phát triển KCN và Đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC	3.711.110.582	3.711.110.582	-	-
Các đối tượng còn lại	3.822.356.761	3.822.356.761	25.991.428	25.991.428
<b>Cộng</b>	<b>36.994.358.722</b>	<b>36.994.358.722</b>	<b>37.769.873.207</b>	<b>37.769.873.207</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.17 Chi phí phải trả**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>900.660.000</b>	<b>2.226.283.967</b>
Công trình Tân Thới Hiệp 21	-	1.824.330.587
Đường ĐT 818 khu công nghiệp Thủ Thừa	900.660.000	-
Chi phí khác	-	401.953.380
<b>Cộng</b>	<b>900.660.000</b>	<b>2.226.283.967</b>

**5.18 Các khoản phải trả phải nộp khác**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>16.847.949.834</b>	<b>1.191.881.427</b>
Kinh phí công đoàn	102.880.843	79.216.603
Bảo hiểm xã hội	6.420.601	6.420.601
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.000.000	86.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	10.641.636.564	754.399.064
Công ty cổ phần Kiểm định xây dựng An Hòa	5.000.000.000	-
Công ty CP Đầu tư xây dựng giải trí Đại Dương	745.166.667	-
Ban bồi thường GPMB Huyện Tân Thành	121.745.659	121.745.659
Các khoản phải trả khác	144.099.500	144.099.500
<b>b) Dài hạn</b>	<b>487.700.000</b>	<b>90.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	487.700.000	90.000.000
<b>Cộng</b>	<b>17.335.649.834</b>	<b>1.281.881.427</b>

(\*) Công ty tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2019 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/NQ-CT ngày 02/12/2019 và thông báo chốt danh sách cổ đông và tạm ứng cổ tức năm 2019 số 52/TB-CT ngày 27/12/2019 với số tiền 10.000.000.000 đồng, và các khoản cổ tức của cổ đông cá nhân chưa thanh toán là 641.636.564 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.19 Vay và nợ thuê tài chính**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019		Số có khả năng trả nợ
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	
b) Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	1.050.660.000	1.050.660.000
Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam	-	-	-	1.050.660.000	1.050.660.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.050.660.000</b>	<b>1.050.660.000</b>

Công ty vay dài hạn của Quỹ bảo vệ môi trường Việt Nam theo Hợp đồng Tín dụng đầu tư bảo vệ môi trường số 11-12/TD-QMT/IDICO ngày 17/08/2012. Trị giá Hợp đồng vay: 10.000.000.000 đồng với thời hạn vay: 84 tháng tính từ khi nhận khoản vay đầu tiên. Mục đích vay: Vốn vay để thực hiện dự án "Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải KCN Mỹ Xuân B1, xã Mỹ Xuân, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu". Lãi suất cho vay: 5,4%/năm, lãi suất cố định trong thời hạn vay. Bảo đảm tiền vay: khoản vay này được đảm bảo bằng Bảo lãnh của Ngân hàng. Kỳ hạn trả lãi được quy định vào ngày 25 hàng tháng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.20 Dự phòng phải trả**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	(Trình bày lại)
		VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	-	1.494.000.000
Dự phòng tiền lương phải trả	-	1.494.000.000
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.817.538.457</b>	<b>1.861.723.647</b>
Công trình Quốc Lộ 1 Long An	152.443.259	152.443.259
Xây dựng hệ thống thoát nước đường Đỗ Xuân Hợp	187.557.156	187.557.156
Khu nhà ở xã hội 334 Nguyễn An Ninh	658.176.635	658.176.635
Đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải, đoạn 7 (Km15+	303.181.134	319.441.134
Gói thầu XL03-Hệ thống thoát nước QL1A	233.410.280	233.410.280
Xây dựng cầu qua đảo Kim Cương	282.769.993	310.695.183
<b>Cộng</b>	<b>1.817.538.457</b>	<b>3.355.723.647</b>

**5.21 Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.054.816.321.117</b>	<b>872.844.645.675</b>
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Diệp	94.596.710	128.995.518
Công ty TNHH may Thiên Kim	10.637.967.066	10.637.967.066
Công ty TNHH Công nghiệp nặng VINA-HALLA	67.546.443.242	69.907.112.998
Công ty Cổ phần Thép QUATRON	29.262.435.364	30.280.379.672
Công ty TNHH Dobra Châu á	25.129.136.860	25.815.794.084
Công ty TNHH Nhôm Toàn cầu Việt nam	477.829.059.305	489.017.823.245
Công ty TNHH EWIC Việt Nam	17.369.370.563	17.776.038.251
Công ty TNHH Twinkle Việt Nam	32.617.044.088	33.376.509.164
Công ty TNHH COURT Việt Nam	11.755.869.254	12.030.850.198
Công ty TNHH SHL ASEAN	10.504.313.307	10.749.996.263
Công ty cổ phần ACV GLAZE	21.266.495.123	21.763.439.247
Công ty cổ phần Gốm sứ GRANITE VTC	253.203.034.857	76.226.619.617
Công ty TNHH YOUNGNAM VINA	11.569.880.683	11.840.253.639
Công ty TNHH Công Nghệ FUYUAN	19.224.490.637	18.660.458.561
Công ty TNHH DLHI Việt Nam	22.854.738.669	13.802.353.243
Công ty TNHH JS TECH Việt Nam	12.831.872.324	7.876.838.636
Công ty Cổ phần Cơ khí Võ Đình	22.428.636.485	22.953.216.273
Công ty TNHH SANGSHIN Việt Nam	8.690.936.580	-
<b>Cộng</b>	<b>1.054.816.321.117</b>	<b>872.844.645.675</b>

Doanh thu nhận trước liên quan đến các hợp đồng cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp Mỹ Xuân B1. Doanh thu thuê đất hàng năm sẽ tính toán và ghi nhận vào doanh thu cho thuê trong năm theo phương pháp đường thẳng trên cơ sở thời gian cho thuê đất trên hợp đồng. Thời gian khai thác của dự án kéo dài đến ngày 9/10/2062.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.22** **Vốn chủ sở hữu**  
 a. **Đổi chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2018	50.000.000.000	7.942.148.283	23.168.340.120	81.110.488.403
Tăng trong năm	-	6.174.931.292	32.750.408.531	38.925.339.823
Lãi hoạt động kinh doanh	-	-	32.750.408.531	32.750.408.531
Phân phối lợi nhuận	-	6.174.931.292	-	6.174.931.292
Giảm trong năm	-	-	30.896.340.120	30.896.340.120
Phân phối các quỹ	-	-	8.168.340.120	8.168.340.120
Chia cổ tức năm 2017	-	-	15.000.000.000	15.000.000.000
Tạm ứng cổ tức năm 2018	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Phụ cấp HĐQT và BSK	-	-	228.000.000	228.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2018</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>14.117.079.575</b>	<b>25.022.408.531</b>	<b>89.139.488.106</b>
Số dư tại 01/01/2019	50.000.000.000	14.117.079.575	25.022.408.531	89.139.488.106
Tăng trong năm	-	3.250.070.642	33.064.011.431	36.314.082.073
Lãi kinh doanh trong năm	-	-	33.064.011.431	33.064.011.431
Phân phối lợi nhuận (*)	-	3.250.070.642	-	3.250.070.642
Giảm trong năm	-	-	25.234.141.284	25.234.141.284
Trích quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	3.250.070.642	3.250.070.642
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	-	4.484.070.642	4.484.070.642
Chia cổ tức năm 2018 (*)	-	-	7.500.000.000	7.500.000.000
Tạm ứng cổ tức năm 2019 (**)	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Số dư tại 31/12/2019</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>17.367.150.217</b>	<b>32.852.278.678</b>	<b>100.219.428.895</b>

(\*) Công ty thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 10/NQ-CT ngày 31 tháng 5 năm 2019.

(\*\*) Công ty tạm chia cổ tức đợt 1 năm 2019 theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 15/NQ-CT ngày 02/12/2019 và thông báo chốt danh sách cổ đông và tạm ứng cổ tức năm 2019 số 52/TB-CT ngày 27/12/2019 với tỷ lệ tạm ứng cổ tức là 20% vốn điều lệ.

**5.22 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**

**b. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng công ty IDICO - CTCP	25.500.000.000	25.500.000.000
Vốn góp của tổ chức, cá nhân khác	24.500.000.000	24.500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>50.000.000.000</b>

**c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	(Trình bày lại)
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	50.000.000.000	50.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	50.000.000.000	50.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	17.500.000.000	22.500.000.000

**d. Cổ phiếu**

	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/CP)	10.000	10.000

**e. Các quỹ Công ty**

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	17.367.150.217	14.117.079.575
<b>Cộng</b>	<b>17.367.150.217</b>	<b>14.117.079.575</b>

**5.23 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2019	Năm 2018
	VND	Trình bày lại
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	4.640.403.750	9.274.501.485
Doanh thu kinh doanh dịch vụ khu công nghiệp	41.193.418.025	42.631.655.814
Doanh thu thi công xây lắp	114.147.464.381	214.393.712.420
<b>Cộng</b>	<b>159.981.286.156</b>	<b>266.299.869.719</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.24 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn của hàng hóa, dịch vụ	6.472.806.597	10.648.676.494
Giá vốn hoạt động dịch vụ khu công nghiệp	24.679.582.094	27.205.921.308
Giá vốn thi công xây lắp	109.810.892.984	205.635.067.779
<b>Cộng</b>	<b>140.963.281.675</b>	<b>243.489.665.581</b>

**5.25 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	39.390.586.499	30.757.795.152
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.281.120.000	1.921.680.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	7.197.456
Lãi bán hàng trả chậm, CK thanh toán	912.817.892	748.551.836
<b>Cộng</b>	<b>41.584.524.391</b>	<b>33.435.224.444</b>

**5.26 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền vay	291.277.368	221.051.144
Chênh lệch tỷ giá	2.669.602	-
Các khoản chi phí tài chính khác	-	23.976.591
<b>Cộng</b>	<b>293.946.970</b>	<b>245.027.735</b>

**5.27 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.346.172.869	9.984.326.674
Chi phí đồ dùng văn phòng	439.573.347	362.546.003
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.214.069.120	2.211.327.985
Thuế phí và lệ phí	94.511.943	205.541.429
Chi phí dự phòng	(11.750.500)	208.755.654
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.929.423.034	1.035.073.315
Chi phí bằng tiền khác	3.099.121.417	4.671.775.106
<b>Cộng</b>	<b>19.111.121.230</b>	<b>18.679.346.166</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mẫu B 09-DN****5.28 Lợi nhuận khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Trình bày lại) VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	191.215.195	621.114.456
Tiền cọc thuê đất khách hàng hủy hợp đồng	-	946.895.000
Thanh lý phế liệu	-	103.653.545
Giá trị góp vốn đường số 1 KCN Mỹ Xuân B1	-	909.090.909
Xử lý công nợ quá hạn	598.300.761	-
Hoàn nhập chi phí trích trước	320.413.777	-
Thu nhập khác	21.818.181	52.255.008
<b>Cộng</b>	<b>1.131.747.914</b>	<b>2.633.008.918</b>
<i>Chi phí khác</i>		
Chi phí đầu tư xây dựng đường số 1 KCN Mỹ Xuân B1	-	909.090.909
Các khoản phạt chậm nộp thuế	999.770.196	-
Chi phí khác	47.843.812	113.674.545
<b>Cộng</b>	<b>1.047.614.008</b>	<b>1.022.765.454</b>
<b>Thu nhập khác thuần</b>	<b>84.133.906</b>	<b>1.610.243.464</b>

**5.29 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Trình bày lại) VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>41.281.594.578</b>	<b>38.931.298.145</b>
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>1.087.441.159</i>	<i>230.323.015</i>
<i>Chi phí không được trừ</i>	<i>1.087.441.159</i>	<i>230.323.015</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>1.281.120.000</i>	<i>1.921.680.000</i>
<i>Thu nhập từ nhận cổ tức</i>	<i>1.281.120.000</i>	<i>1.921.680.000</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>41.087.915.737</b>	<b>37.239.941.160</b>
Thu nhập từ hoạt động SXKD	28.511.028.457	24.568.954.979
Thu nhập từ hoạt động cho thuê hạ tầng KCN	12.576.887.280	12.670.986.181
Thuế suất thuế TNDN áp dụng	20%	20%
<i>Thuế suất thuế TNDN ưu đãi cho thuê hạ tầng KCN (Năm 2018 là năm cuối cùng)</i>		<i>10%</i>
<b>Thuế TNDN hiện hành</b>	<b>8.217.583.147</b>	<b>6.180.889.614</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**5.30 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	33.064.011.431	32.750.408.531
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND) (*)	(3.306.401.143)	(4.484.070.642)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.757.610.288	28.266.337.889
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)</b>	<b>5.952</b>	<b>5.653</b>

(\*) Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 theo Nghị Quyết số 10/NQ-CT ngày 31/5/2019. Theo đó, Công ty trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi là 10%, quỹ thưởng ban điều hành là 1.234.000.000 đồng và phụ cấp Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 là 228.000.000 đồng. Việc xác định lại nêu trên làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2018 giảm từ 5.846 VND xuống 5.653 VND..

Giá trị phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2019 được ước tính dựa theo kế hoạch phân chia lợi nhuận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 10/NQ-CT ngày 31/5/2019 với tỷ lệ là 10%.

**5.31 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Trình bày lại) VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.359.531.781	48.696.209.765
Chi phí nhân công	21.869.619.777	20.376.463.468
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.761.405.968	12.000.628.392
Chi phí dịch vụ mua ngoài	100.056.381.361	244.008.117.196
Chi phí khác bằng tiền	8.219.049.648	9.797.055.053
<b>Cộng</b>	<b>205.265.988.535</b>	<b>334.878.473.874</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6. THÔNG TIN KHÁC**

- 6.1** Giao dịch và số dư với các bên liên quan
- a.** Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Trình bày lại) VND
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Thu nhập từ lương, thưởng và các khoản khác	3.485.451.372	3.103.296.248
<b>b.</b> Giao dịch bán với bên liên quan			
Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2019 VND	Năm 2018 (Trình bày lại) VND

**Giao dịch mua**

1. Công ty CP Phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC

**Cộng**

Mua vật tư	934.115.529	-
	<b>934.115.529</b>	<b>-</b>

**Giao dịch bán**

1. Công ty CP Phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC

**Cộng**

Cung cấp dịch vụ	214.928.182	-
Thanh lý xe	383.636.364	-
Xây lắp	6.983.959.386	-
Các khoản khác	279.588.799	-
	<b>7.862.112.731</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)**

Mẫu B 09-DN

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Năm 2019		Năm 2018	
			VND	(Trình bày lại) VND	VND	(Trình bày lại) VND
<b>Giao dịch khác</b>						
1. Tổng công ty IDICO - CTCP	Công ty mẹ	Cổ tức năm 2018 Phí kiểm toán Tạm ứng cổ tức 2019	3.825.000.000	-	11.475.000.000	100.000.000
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển hạ tầng IDICO	Đơn vị cùng Tổng IDICO	Nhận cổ tức	5.100.000.000	-	-	-
3. Công ty CP Phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC	Công ty liên kết	Góp vốn	1.281.120.000	-	1.921.680.000	-
<b>Cộng</b>			<b>40.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>50.706.120.000</b>	<b>13.496.680.000</b>

**c. Số dư với các bên liên quan**

Bên liên quan	Khoản mục	31/12/2019		01/01/2019	
		VND	VND	VND	VND
1. Công ty CP Phát triển KCN và đô thị Thủ Thừa IDICO-CONAC	Phải trả người bán	627.527.082	-	-	-
	Người mua trả tiền trước	3.711.110.582	-	-	-
	Phải trả khác	5.100.000.000	-	-	-
<b>2. Tổng công ty IDICO - CTCP</b>		<b>9.438.637.664</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>		<b>9.438.637.664</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Báo cáo bộ phận**

**Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/18**

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng (VND)
Tổng doanh thu	214.393.712.420	42.631.655.814	9.274.501.485	266.299.869.719
Giá vốn hàng bán	(205.635.067.779)	(27.205.921.308)	(10.648.676.494)	(243.489.665.581)
Chi phí quản lý doanh nghiệp (không phân bổ)	-	-	-	(18.679.346.166)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	33.435.224.444
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(245.027.735)
Thu nhập khác	-	-	-	1.610.243.464
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	38.931.298.145
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(6.180.889.614)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>32.750.408.531</b>

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2018**

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng (VND)
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	5.757.576	290.093.299.700	65.226.949.463	355.326.006.739
Xây dựng cơ bản dở dang		34.916.644.604	18.977.099.591	53.893.744.195
Các khoản phải thu	44.601.336.660	12.469.390.647	19.249.618.217	76.320.345.524
Hàng tồn kho	26.374.759.119	15.172.961.593	1.356.005.469	42.903.726.181
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	491.302.331.679
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.019.746.154.318</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	46.639.949.690	874.814.666.229	8.101.390.293	929.556.006.212
Phải trả tiền vay		1.050.660.000		1.050.660.000
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>930.606.666.212</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG DẦU KHÍ IDICO**  
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Mẫu B 09-DN

**6.2 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**  
 Báo cáo kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng (VND)
<b>DOANH THU</b>				
Doanh thu bán hàng, dịch vụ	114.147.464.381	41.193.418.025	4.640.403.750	159.981.286.156
Giá vốn hàng bán, dịch vụ cung cấp	(109.810.892.984)	(24.679.582.094)	(6.472.806.597)	(140.963.281.675)
Chi phí quản lý doanh nghiệp (không phân bổ)	-	-	-	(19.111.121.230)
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	41.584.524.391
Chi phí tài chính (không phân bổ)	-	-	-	(293.946.970)
Thu nhập khác	-	-	-	84.133.906
Lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-	-	41.281.594.578
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	(8.217.583.147)
<b>Lợi nhuận trong năm</b>				<b>33.064.011.431</b>

**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31/12/2019**

	Xây lắp	Kinh doanh dịch vụ KCN	Hoạt động khác	Tổng (VND)
<b>TÀI SẢN</b>				
Tài sản cố định	24.291.666	281.433.221.845	120.802.383.177	402.259.896.688
Xây dựng cơ bản dở dang		13.753.143.773	26.377.923.995	40.131.067.768
Các khoản phải thu	27.752.219.828	15.498.699.954	25.918.405.413	69.169.325.195
Hàng tồn kho	47.191.084.627	175.490.909	51.014.979	47.417.590.515
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	673.345.013.419
<b>Tổng tài sản</b>				<b>1.232.322.893.585</b>
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>				
Các khoản phải trả	47.315.002.507	1.057.349.225.943	27.439.236.240	1.132.103.464.690
Phải trả tiền vay	-	-	-	-
<b>Tổng nợ phải trả</b>				<b>1.132.103.464.690</b>

**6.2 Thông tin so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán.

Trong năm 2019, Công ty đã có kết luận của Thanh tra Bộ tài chính về báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018. Theo đó, một số chỉ tiêu đầu kỳ công ty thực hiện điều chỉnh lại theo yêu cầu của thanh tra Bộ Tài chính. Cụ thể;

Mã chỉ tiêu	Tên đối tượng	Số trước điều chỉnh	Số theo kết luận thanh tra	Chênh lệch
<b>I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>				
313	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.660.322.953	2.665.748.480	5.425.527
342	Dự phòng phải trả dài hạn	1.888.851.283	1.861.723.647	(27.127.636)
421b	LNST chưa phân phối kì này	25.000.706.422	25.022.408.531	21.702.109
<b>II. BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
31	Thu nhập khác	2.605.881.282	2.633.008.918	27.127.636
51	Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.175.464.087	6.180.889.614	5.425.527
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	32.728.706.422	32.750.408.531	21.702.109

Vũng Tàu, ngày 09 tháng 3 năm 2020  
Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Lựu

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

Lê Thanh Tùng